TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1270/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 29 - 12 - 2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Quang Định

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Tú Nga

2. Ông Nguyễn Đình Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh là Thư ký Toà án nhân dân Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn tham gia phiên tòa: Bà Trần Thanh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Quy Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 957/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 358/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 262/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1996

Địa chỉ: Tổ 8, KV 2, P. H, Tp. Q, tỉnh B

Bị đơn: Anh Huỳnh Như Y, sinh năm 1993

Địa chỉ: Tổ 37B, KV 4, P. Q, Tp. Q, tỉnh B.

(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Y vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/9/2023 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Huỳnh Như Y có tìm hiểu nhau, tự nguyện cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, Tp. Q, tỉnh B vào ngày 24/12/2016. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại nhà chồng, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Y thường xuyên đi làm xa nhà, không gửi tiền để chị lo cho con, ngoài ra anh Y còn có quan hệ với người phụ nữ khác. Mặc dù chị đã nhiều lần

nhắc nhở nhưng anh Y vẫn không thay đổi dẫn đến mẫu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nữa, cuộc sống chung không thể tiếp tục duy trì nên chị yêu cầu được ly hôn anh Huỳnh Như Y.

- Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh Y có 01 con chung là cháu Huỳnh Gia B, sinh ngày 30/4/2017; sức khỏe cháu bình thường, hiện đang ở với chị. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu B; không yêu cầu anh Y cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ngoài ra, vợ chồng chị không nợ ai và không ai nợ vợ chồng chị.

Bị đơn anh Huỳnh Như Y: Tòa đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng anh Y không đến Toà làm việc nên Tòa không lấy được lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề xuất hướng giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện các quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Huỳnh Như Y.

- Về con chung: Giao cháu Huỳnh Gia B, sinh ngày 30/4/2017 cho chị Nguyễn Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

- Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn với anh Huỳnh Như Y, trú tại: Tổ 37B, Khu vực 4, phường Q, Tp. Q, tỉnh B. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

[1.2] Về vắng mặt đương sự:

- Đối với nguyên đơn: Trước khi mở phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn anh Huỳnh Như Y để tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Y không đến Tòa. Trước khi xét xử, Tòa án tiến hành thủ tục tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Y không có mặt tại phiên tòa, vắng mặt lần thứ 02 không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Huỳnh Như Y cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, Tp. Q vào ngày 24/12/2016 trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Y là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chị H trình bày, sau thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2022 thì hai bên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Y thường xuyên đi làm xa nhà, không gửi tiền để chị lo cho con, ngoài ra anh Y còn có quan hệ với người phụ nữ khác. Mặc dù chị đã nhiều lần nhắc nhở nhưng anh Y vẫn không thay đổi dẫn đến mẫu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nữa, cuộc sống chung không thể tiếp tục duy trì nên chị yêu cầu được ly hôn anh Y để ổn định cuộc sống riêng.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng chị H và anh Y sống ly thân trong thời gian dài, cả hai không có sự quan tâm, chăm sóc, không có trách nhiệm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Y đến Tòa để hòa giải nhưng anh Ý không đến Tòa điều đó chứng tỏ anh không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, chị H yêu cầu ly hôn anh Y là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng chị H và anh Y có 01 con chung là cháu Huỳnh Gia B, sinh ngày 30/4/2017; hiện nay cháu B đang ở với chị H, sức khỏe bình thường. Ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi cháu B.

Xét thấy: Hiện tại cháu B còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ. Trong quá trình chung sống và sau khi vợ chồng ly thân cho đến nay chị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B; hơn nữa chị H có công việc và thu nhập ổn định đủ điều kiện nuôi con. Do đó, để phát triển một cách toàn diện về mọi mặt nên giao cháu B cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu nên Tòa không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[2.5] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Huỳnh Như Y.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cháu Huỳnh Gia B, sinh ngày 30/4/2017 cho chị Nguyễn Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000672 ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. Quy Nhơn;
- UBND P. Q;
(Giấy CNKH số: 161, ngày 24/12/2016)
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ung Quang Định

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ung Quang Định

TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN** TỈNH BÌNH ĐỊNH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi ..... giờ ..... phút, ngày 13 tháng 3 năm 2020. Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Quang Định

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Thu Hiền, bà Hoàng Thị Thành.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 1104/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Sơn, sinh năm 1986.

- Bị đơn: Chị Huỳnh Thị Kim Lạnh, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Tổ 9, KV 2, P. Đống Đa, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

(Anh Sơn có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Lạnh vắng mặt lần 2 không có lý do).

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất:

- Về điều luật áp dụng:

Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết 3/3.

- Về nội dung quyết định:

1. Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn Sơn ly hôn chị Huỳnh Thị Kim Lạnh.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung: Nguyễn Hoàng Long, sinh ngày 24/02/2009 cho anh Nguyễn Văn Sơn trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh Sơn không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con. Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không bên nào được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn Sơn không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Sơn phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002294 ngày 04/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Quy Nhơn (anh Sơn đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết 3/3.

- Ý kiến bảo lưu khác: Không.

Biên bản nghị án kết thúc vào hồi ..... giờ ..... phút cùng ngày, được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và đồng ý ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
	Ung Quang Định